

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2020

V/v Ly hôn, con chung
giữa chị T, anh P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiên;

Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Long – Kiểm sát viên.

Ngày 24-3-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 319/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02-3-2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm Văn Lý, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm Văn Lý, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị T, anh P đến nhưng không tham gia phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29-11-2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh P đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không tu chí làm kinh tế, mắc nghiện ma túy dẫn đến phải bán hết tài sản là nhà đất để trả nợ, chị T cũng đã khuyên bảo anh P nhiều lần nhưng anh P không thay đổi và đã có lần đã đánh chửi chị T. Tháng 9-2019 chị T đã đưa 02 con chung về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn Cồn chung sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn xin được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 02-12-2006 và cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 28-01-2015, hiện cả hai con chung đang do chị T nuôi dưỡng nên khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị Tr trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu cho Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12-12-2019 và buổi hòa giải ngày 20-12-2019, bị đơn anh Nguyễn Văn P có lời khai phù hợp với lời khai của chị T về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh P là do năm 2019, vợ chồng làm kinh tế thua lỗ nên phải bán hết nhà cửa, trong lúc khó khăn chị T đã có hành vi không chung thủy và đưa 02 con chung về nhà bố mẹ đẻ chung sống. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh, mặc dù có mâu thuẫn, nhưng anh không nhất trí ly hôn vì con chung anh mong chị T suy nghĩ lại.

Về con chung: Anh P xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Nếu ly hôn, anh cũng đề nghị xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung. Anh P xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ vợ chồng còn nợ một số khoản nợ chung, anh P cam kết đến ngày 23-12-2019 anh sẽ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện

đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn có đến Tòa án nhưng không tham dự phiên tòa là chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Tr ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Về con chung, giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, không buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn P đến phiên tòa nhưng không tham dự phiên tòa là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 29-11-2005. Do kinh tế vợ chồng khó khăn, bản thân anh P mắc nghiện ma túy nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau. Tháng 9 năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên chị T đề nghị xin được ly hôn, anh P không đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Văn P thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Văn P có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 02-12-2006 và cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 28-01-2015, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T, anh P xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của các đương sự thì thấy: Cháu L và cháu C hiện đang do chị T nuôi dưỡng, trong quá trình giải quyết vụ án cháu L cũng đã có lời khai xin được ở với chị T. Mặt khác chị T đang có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, trong khi anh P không có nghề nghiệp và thu nhập. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của 02 cháu cần tiếp tục giao 02

cháu cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh P được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc anh P thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung và công nợ:

Chị T và anh P không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về công nợ chung. Tại phiên hòa giải ngày 20-12-2019 anh P trình bày còn nợ một số khoản nợ chung và đề nghị đến ngày 23-12-2019 sẽ cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc vay nợ cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu anh P trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hòa giải phải cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc vay nợ cho Tòa án. Nhưng anh P không cung cấp được, do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 02-12-2006 và cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 28-01-2015 cho chị Nguyễn Thị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001896 ngày 06-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

Hải Hậu; chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.
Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA